

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 27/02/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P5+TD3+P9	7:25	12+0+7	0+0+0		3+8+8	0+0+0	
2		RC5+RP3+PVD1	7:25	13+9+0	0+0+0		7+10+5	0+0+0	
3		RP3+PVD1+TD1	7:25	10+0+12	0+0+0		5+4+12	0+0+0	chuyen 4 Rp3- PVD1, 1 Rp3- TD1
4		P1+P2	7:25	8+13	0+0		5+17	0+0	
5		P10+RP1	9:25	10+10	0+0		12+10	0+0	
6		RP1+RC6+RCDM	9:25	5+5+12	0+0+0		3+5+14	0+0+0	
7		RP3	9:25	22	0		22	0	
8		RP1+RC4	9:25	15+5	0+0		13+6	0+0	
9		VSP02+RC5	11:25	20+2	0+0		16+4	0+0	
10		RP2+RC3+VSP02	11:25	2+0+17	0+0+0		2+1+18	0+0+0	chuyen 3 Rp2- RC3
11		P4+P5	11:25	13+1	0+0		10+12	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2023	TO: P5 - TD3 - P9	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: VThắng - ĐNam - THỤ - Tú	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BOVTT A.	P5					93	D-HANH	Russian
2	BELENKO A	P5	10	1	5		100	D-HANH	Russian
3	LARIN M.	P5	09	1	5		100	D-HANH	Russian
4	NGUYEN ANH TUAN	P5	06	1	5	60	70	D-HANH	Vietnamese
5	LUU QUOC NHAT	P5	16	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
6	POPOV A.	P5	08	1	5		70	KH-THAC	Russian
7	NGUYEN CONG HIEU	P5	12	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	YATSENKO S.V.	P5	11	1	10		100	ANTOAN	Russian
9	BAGNHIUKOV A.	P5	67	1	8		92	XAYLAP	Russian
10	BORODIN E.	P5					90	XAYLAP	Russian
11	KHOVRIN B	P5	13	1	10		120	NIPI	Russian
12	KOSTIKIN B	P5	14	1	8		125	NIPI	Russian
13	TRAN VAN TRIEU	P5	15	1	5		63	NAM TIEN	Vietnamese
14	LE VAN LINH	P9	68	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN XUAN DUY	P9	65-66	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGO DUC MINH	P9	67	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VO DUC NGHIA	P9	21	1	5	50	65	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN VAN CHIEU	P9	62	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	BUI VAN THUAN	P9	64	1	5		75	PSV	Vietnamese
20	VU NGOC NAM	P9	63	1	5		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	13	11	71	1.173	60	3		1 NB TANG VAN TU (CGTK)
2	TD3	0	0	0	0	0	11		
3	P9	7	8	45	500	50	8		
TOTAL		20	19	116	1.673	110	22		
WEIGHT KG				116	1.673	110			

GRAND TOAL: 1.899 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RC5 - RP3 - PVD1	CREW: HUNG - NPhú - NNam - Son	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH PHUONG	RC5	26	1	4	30	70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TRONG HIEN	RC5	14	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN QUANG THANG	RC5					75	KH-THAC	Vietnamese
4	HUYNH XUAN TRUONG	RC5	30	1	7		75	D-HANH	Vietnamese
5	KURPANOV V.A	RC5	27	1	5		70	KH-THAC	Russian
6	TRINH VAN TIEN	RC5	23	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN NGOC TUAN	RC5	22	1	11		54	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN KIEM BAC	RC5	20-21	2	22		71	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN TRUNG	RC5	17	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	RC5	18	1	10	15	70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHUNG ĐẠI DƯƠNG	RC5	15-16	2	20		82	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN ANH TUAN	RC5	24-25	2	20		72	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG VAN QUAN	RC5	13	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN THANH TRUNG	RP3	77	1	6	45	75	KH-THAC	Vietnamese
15	VOEVODCHENKOV	RP3	83	1	5		100	KH-THAC	Russian
16	BUI ANH SON	RP3					70	KH-THAC	Vietnamese
17	PHAM QUANG TRUNG	RP3	73	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
18	VÔ TÂN CHÂU	RP3	79	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN CÔNG	RP3	82	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BÀ TRIẾT	RP3	81	1	9		70	KHI	Vietnamese
21	HOANG DINH CHIEN	RP3	80	1	6		70	PSV	Vietnamese
22	LE QUANG HA	RP3	78	1	8		75	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	13	15	134	929	45	7		1 NOI BO: PHAM THAI SON (PHI CONG)
2	RP3	9	8	55	680	45	10		
3	PVD1	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		22	23	189	1.609	90	22		
WEIGHT KG				189	1.609	90			

GRAND TOAL: 1.888 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2023	TO: RP3 - PVD1 - TD1	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Vũ -	ETA: 09:30
VANG-1		N.Cuong	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN ANH	RP3	42	1	5		77	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯỜNG VĂN THƯỜNG	RP3	38	1	4		58	KH-THAC	Vietnamese
3	LƯƠNG QUANG THƯỜNG	RP3	43	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	36	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
5	MAI NGỌC THIẾT	RP3	41	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TRỌNG HAI	RP3					87	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN PHƯỚC LỘC	RP3	39	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG XUÂN HUNG	RP3					66	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ THĂNG	RP3	40	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
10	HOANG VĂN HIẾN	RP3	37	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
11	UVAYSOV ABDULAKHI	TD1				70	113	KHOAN	Russian
12	NGUYỄN NHƯ BẢNG	TD1	75	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN THANH HIỆU	TD1	72-73	2	9		85	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN DANH QUY	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH SƠN	TD1	78	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
16	HOANG VĂN DUY	TD1	76	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ VĂN HOÀN	TD1	77	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
18	PHẠM MINH THẮNG	TD1	71	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYỄN TRƯỜNG DƯƠNG	TD1	69	1	3	22	87	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	TD1	74	1	2		72	KHOAN	Vietnamese
21	ĐẶNG TUẤN ANH	TD1	68	1	6	70	82	CODIEN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD1	70	1	11		70	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	10	8	49	710	0	5+5		CHUYEN 4 PAX TU RP3 - PVD1, 1 PAX TU RP3 - TD1 1 NB PC (PHAN NHU CUONG)
2	PVD1	0	0	0	0	0	4		
3	TD1	12	11	54	937	162	12		
TOTAL		22	19	103	1.647	162	21		
WEIGHT KG				103	1.647	162			

GRAND TOAL: 1.912 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: P1 - P2	CREW: PHÚ - L Hải - ĐANG	ETA: 09:40
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU VĂN LƯƠNG	P1	11	1	6		68	D-HANH	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THỌ	P1	09	1	7		93	D-HANH	Vietnamese
3	YANCHENKO S.I	P1	12	1	7		80	ANTOAN	Russian
4	PHẠM THANH NHÀ	P1	05	1	7		80	PSV	Vietnamese
5	BUI VĂN QUẢN	P1	06	1	3		68	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THÔNG	P1	10	1	7		63	PSV	Vietnamese
7	PHẠM PHU BÌNH	P1	08	1	4	15	66	PSV	Vietnamese
8	TRẦN QUANG HUY	P1	07	1	8		88	PSV	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN DUÂN	P2	18-19	2	13		65	KHI	Vietnamese
10	CAO NAM QUY	P2	20-21	2	5		71	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐĂNG THANH	P2	03	1	10	15	58	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN LONG	P2	07	1	4		65	T-TIN	Vietnamese
13	HỒNG PHƯỚC SANG	P2	01	1	6		63	T-TIN	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC KHÁNH	P2	06	1	7	100	64	PSV	Vietnamese
15	PHẠM VĂN HIỆP	P2	10	1	6		76	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HIỆU	P2	08	1	7		50	PSV	Vietnamese
17	PHẠM HỒNG VĂN	P2	09	1	5		73	PSV	Vietnamese
18	BUI LONG HUNG	P2	05	1	5		70	PSV	Vietnamese
19	TRƯƠNG TRỌNG HÂN	P2	02	1	5		56	PSV	Vietnamese
20	HOÀNG THAI LONG	P2	12	1	6		60	PSV	Vietnamese
21	DƯƠNG XUÂN TOÀN	P2	11	1	5		62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	8	8	49	606	15	5		
2	P2	13	15	84	833	115	17		
TOTAL		21	23	133	1.439	130	22		
WEIGHT KG				133	1.439	130			

GRAND TOAL: 1.702 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: P10 - RP1	CREW: VThắng - ĐNam - THỤ - Tú	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN HIỆP	P10	08	1	5		70	PSV	Vietnamese
2	ĐÀO VĂN DŨNG	P10	04	1	5		75	PSV	Vietnamese
3	HOÀNG ANH TÚ	P10					80	D-HANH	Vietnamese
4	NGUYỄN CANH TÂN	P10					72	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI ĐÌNH PHI	P10	01	1	5		65	NIPI	Vietnamese
6	KIREEV MARAT	P10	02	1	7		90	NIPI	Russian
7	PHẠM VĂN TÀI	P10	05-06	2	10		75	PSV	Vietnamese
8	TRẦN VIỆT LÝ	P10	07	1	5		80	PSV	Vietnamese
9	PHẠM BÁ KHÁNH	P10	37	1	5		75	PSV	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN QUYẾT	P10	03	1	10		80	SINHHUNG	Vietnamese
11	TSOPANOV	RP1	79	1	12		98	KH-THAC	Russian
12	ĐÀO QUỐC UY	RP1	75-76	2	12		82	YTE	Vietnamese
13	KOROQLUEV RAMIL	RP1	80	1	5		80	KH-THAC	Russian
14	TRẦN QUANG TÙNG	RP1					70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT THÀNH	RP1				80	72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	RP1	81	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HÙNG	RP1	78	1	5		82	KH-THAC	Vietnamese
18	TAO QUANG NGÂN	RP1					80	KH-THAC	Vietnamese
19	TRẦN MINH HIẾU	RP1					68	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TÂM	RP1	77	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	10	9	52	762	0	12		1 BN TANG VAN TU (CGTK)
2	RP1	10	7	44	797	80	10		
TOTAL		20	16	96	1.559	80	22		
WEIGHT KG				96	1.559	80			

GRAND TOAL: 1.735 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 27/02/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	TO: RP1 - RC6 - RCDM	CREW: HUNG - NPhú - N Nam - Son	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ ĐÌNH HOÀN	RP1	90	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN BẮC HÀ	RP1	89	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	HOÀNG THÈ ANH	RP1	91	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN BA QUY	RP1	92	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM VĂN THUY	RP1	87-88	2	10		61	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN THE ANH	RC6	04	1	8	30	69	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THIÊN	RC6	05	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN NGỌC LINH	RC6	03	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN TRƯỜNG	RC6	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VIỆT HÀ	RC6	07-08	2	15		72	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY HUNG	RCDM	52-53	2	9	30	73	KH-THAC	Vietnamese
12	HOANG TI	RCDM	49	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐÌNH VĂN CÔNG	RCDM	41	1	4		83	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG HIẾU	RCDM	50-51	2	15		59	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN KHẮC NGỌC	RCDM	40	1	10		55	XAYLAP	Vietnamese
16	LÊ CÔNG THỜI	RCDM	46-47	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ ANH TUÂN	RCDM	44-45	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN VĂN BẮC	RCDM	38-39	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
19	PHAN HUY THƯƠNG	RCDM	36-37	2	14		89	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG TUYẾN	RCDM	56-57	2	19		73	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN KIM THÔNG	RCDM	42	1	10	18	54	XAYLAP	Vietnamese
22	PHẠM VĂN HUÂN	RCDM	48	1	6		71	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	5	6	36	341	0	3		1 NOI BO: PHAM THAI SON (PHI CONG)
2	RC6	5	6	38	376	30	5		
3	RCDM	12	19	145	824	48	14		
TOTAL		22	31	219	1.541	78	22		
WEIGHT KG				219	1.541	78			

GRAND TOAL: 1.838 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2023	TO: RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Linh - THAO - Vũ -	ETA: 11:50
NAU-2		N.Cương	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TỰ HẢI	RP3	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN DOÀN THANH	RP3	60	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ ĐỨC HUY	RP3	34-35	2	6		66	KH-THAC	Vietnamese
4	VU THANH LONG	RP3	67	1	5		98	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ ĐỨC OANH	RP3					67	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN THANH CÔNG	RP3	59	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THẾ PHONG	RP3	64	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐỖ DUY TIẾN	RP3	40	1	12		78	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ VĂN TUẤN	RP3	48-49	2	19		83	XAYLAP	Vietnamese
10	DƯƠNG SY CHIẾN	RP3	72	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN THUẬN	RP3	68-69	2	15		68	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐÀO QUỐC OAI	RP3	70-71	2	20	69	77	XAYLAP	Vietnamese
13	HA XUÂN ĐẠT	RP3	50-51	2	20		58	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC CƯỜNG	RP3	46-47	2	21		73	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN PHÚ NAM	RP3	56	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
16	TRẦN XUÂN TỨC	RP3	62-63	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN SƠN	RP3	65-66	2	20		85	XAYLAP	Vietnamese
18	LÊ CỬ	RP3	57-58	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NGHĨA	RP3	53-54	2	17		61	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN CÔNG AN	RP3	52	1	4		68	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ TỰ KHA	RP3	44-45	2	20		92	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN HỒNG QUÂN	RP3	55	1	10		75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	32	276	1.565	69	22		01 NB : PHAN NHU CUONG (PHI CONG)
TOTAL		22	32	276	1.565	69	22		
WEIGHT KG				276	1.565	69			

GRAND TOAL: 1.910 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2023	TO: RP1 - RC4	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: PHÚ - L Hải - ĐANG	ETA: 12:00
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG DINH BA	RP1	01	1	6		58	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐINH VĂN MẠNH	RP1	06	1	4		82	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN CÔNG TOÀN	RP1	09	1	10		90	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ ĐÌNH THĂNG	RP1	04	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VĂN SỬU	RP1	603	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN PHI KHAI HOAN	RP1	05	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ BA TUÂN	RP1	07	1	3		62	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN BA LINH	RP1	11-12	2	11		67	KH-THAC	Vietnamese
9	PHAN THANH CÔNG	RP1					60	KH-THAC	Vietnamese
10	TRỊNH HỮU CÂN	RP1	08	1	17		74	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN TRUNG HIỆP	RP1	02	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
12	LUƠNG TUÂN ANH	RP1	601-602	2	12		85	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN NGỌC THE	RP1	03	1	12		72	XAYLAP	Vietnamese
14	TRẦN ĐỨC VƯỢNG	RP1	10	1	13		68	XAYLAP	Vietnamese
15	PHÙNG VĂN PHƯƠNG	RP1	300	1	8		60	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG MINH	RC4	24	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG VĂN TUNG	RC4	25	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ HAI ANH	RC4	21-23	3	19		73	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐANG MINH DUNG	RC4					76	KH-THAC	Vietnamese
20	MAI VĂN TUÔNG	RC4	20	1	4		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	15	16	126	1.064	0	14		
2	RC4	5	6	35	354	0	6		
TOTAL		20	22	161	1.418	0	20		
WEIGHT KG				161	1.418	0			

GRAND TOAL: 1.579 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2023	TO: VSP02 - RC5	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - CHIÊN - DTùng	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	EDUARD YANDYAN	VSP02	61-62	2	20		75	KH-THAC	Russian
2	PHAM NGOC THACH	VSP02	58	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
3	VLADISLAV GURIN	VSP02	77	1	10		105	KH-THAC	Russian
4	TRAN MINH TUAN THINH	VSP02	67	1	2		95	KH-THAC	Vietnamese
5	NGO DUC TRI	VSP02	53	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐINH TRƯỞNG PHI	VSP02	64	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN CONG LAM	VSP02	55-56	2	10		71	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN TUAN	VSP02	72-75	4	23		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN THANH LE	VSP02	57,60	2	17		65	YTE	Vietnamese
10	NGUYEN VU BA LINH	VSP02	66	1	4		70	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN HUU NHAN	VSP02	76	1	7		72	PSV	Vietnamese
12	LE DUC CUONG 67	VSP02	46	1	10		53	PSV	Vietnamese
13	VU DINH GIANG	VSP02	54	1	7		68	PSV	Vietnamese
14	LE ANH MINH	VSP02	45	1	6		94	PSV	Vietnamese
15	ĐANG VIET THANH	VSP02	70	1	10	15	65	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN QUOC HOAN	VSP02	47-49	3	20	7	65	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN GIA LONG	VSP02					76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN LE MINH TUAN	VSP02	68-69	2	20		95	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐANG NHAT MINH	VSP02	51-52	2	9		80	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN NGOC DUONG	RC5	32	1	9		65	XAYLAP	Vietnamese
21	BUI DUC KHANH	RC5	31	1	7		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	19	28	197	1.413	22	15		
2	RC5	2	2	16	122	0	7		
TOTAL		21	30	213	1.535	22	22		
WEIGHT KG				213	1.535	22			

GRAND TOAL: 1.770 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2023	TO: RP2 - RC3 - VSP02	AIRCRAFT: 428	ETD: 12:15
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: QViệt - N.ANH - QTrưởng - M.Đức	ETA: 14:05
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ ĐỨC LONG	RP2	20	1	6	5	58	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN HÙNG DŨNG	RP2	19	1	10		78	DVL	Vietnamese
3	TRẦN THẾ CUÔNG	VSP02	95-96	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN MINH DÂN	VSP02	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUỐC CHIẾN	VSP02	94	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN QUANG	VSP02	91	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM HỮU ĐẠT	VSP02	90	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ BÌNH TRỌNG	VSP02	83	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGÔ ĐỨC CHU	VSP02	80	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TRỌNG TÂN	VSP02	89	1	8		88	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐỖ VĂN PHÚ	VSP02	86	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN VIỆT QUANG	VSP02	84-85	2	16	7	73	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG CUÔNG	VSP02	97	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN QUANG HÙNG	VSP02	81	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGÔ HÙNG HAI	VSP02	92	1	12		73	ANTOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN HỒNG ĐỨC	VSP02	78	1	3		58	PSV	Vietnamese
17	LÊ MINH HUY	VSP02	79	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN VIỆT TOÀN	VSP02	87	1	7		94	PSV	Vietnamese
19	ĐO DUY	VSP02	82	1	5		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	2	2	16	136	5	2	3	CHUYEN 3 PAX RP2-RC3 PILOT: NGUYEN MINH DUC
2	RC3	0	0	0	0	0	1		
3	VSP02	17	19	116	1.222	7	19		
TOTAL		19	21	132	1.358	12	22		
WEIGHT KG				132	1.358	12			

GRAND TOAL: 1.502 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 27/02/2023	TO: P4 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:20
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Hạnh - VLinH - Huy	ETA: 14:10
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU ANH TUAN	P4	43	1	7	15	69	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYEN VU HUNG	P4	99	1	10	70	85	CODIEN	Vietnamese
3	HOANG THAI DUONG	P4					72	KHI	Vietnamese
4	NGUYEN MINH ĐỨC	P4	39	1	9		91	KHI	Vietnamese
5	NGUYEN ĐANG NGUYEN	P4	33	1	6		75	PSV	Vietnamese
6	NGUYEN VAN NGHI	P4	38	1	2		70	PSV	Vietnamese
7	TRAN THANH LIEM	P4	37	1	6		65	PSV	Vietnamese
8	BUI VAN MUOI	P4	41	1	5		55	PSV	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN ĐÔNG	P4	34	1	6		64	PSV	Vietnamese
10	TRAN TRUNG KIEN	P4	44	1	4		65	PSV	Vietnamese
11	NGUYEN TRUNG THANG	P4	42	1	6		81	PSV	Vietnamese
12	NGUYEN TRỌNG PHUC ANH	P4	36	1	7		60	PSV	Vietnamese
13	PHẠM ĐÌNH VĂN	P4	35	1	5		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	13	12	73	924	85	10		
2	P5	0	0	0	0	0	12		
TOTAL		13	12	73	924	85	22		
WEIGHT KG				73	924	85			

GRAND TOAL: 1.082 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN